

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2022

*“Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Quyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Quân.

2. Ông Nguyễn Văn Bé.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc *“Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con”*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Đặng T.K, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: số 96 Quốc Lộ 1, Phường C, thành phố Thủ Đức, Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị C.N, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-5-2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đặng T.K trình bày:*

Vào năm 2019, anh xác lập quan hệ vợ chồng với chị Nguyễn Thị C.N, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 19-4-2018. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có 01 con chung tên Đặng B, sinh ngày 29-3-2019; về tài sản chung và nợ chung không có.

Việc xác lập hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu, lúc đầu vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên cự cãi qua lại với nhau nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Chị N thì muốn sống ở thành phố, còn anh thì muốn sống ở quê để chăm sóc ông bà, do đó hai bên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả

và đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Đến nay anh thấy không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị C.N. Về con chung anh yêu cầu được nuôi cháu Đặng B, sinh ngày 29-3-2019 và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai đề ngày 17-6-2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị C.N trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Đặng T.K về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh K trình bày là không đúng. Do anh K đi làm bỏ mặc không chăm lo cho chị và con, chị không có lỗi gì. Tuy nhiên do vợ chồng ly thân đã lâu. Do đó anh K yêu cầu ly hôn chị cũng đồng ý. Về tài sản chung và nợ chung chị cũng thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung từ trước đến nay cháu Đặng B, sinh ngày 29-3-2019 sống chung với chị. Anh K không trực tiếp chăm sóc con do đó chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đặng B, sinh ngày 29-3-2019 và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Những tình tiết các bên thống nhất:* Anh K và chị N thống nhất ly hôn, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Những tình tiết các bên không thống nhất:* Anh Đặng T.K yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị C.N yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51 và 56 Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc cho anh K và chị N ly hôn; không chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con của anh K, giao cháu Đặng B, sinh ngày 29-3-2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh K phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, về tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; buộc anh K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*- Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn anh Đặng T.K khởi kiện yêu cầu tranh chấp ly hôn và nuôi con. Bị đơn chị Nguyễn Thị C.N cư trú tại ấp T, xã S, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*- Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng T.K và chị Nguyễn Thị C.N xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; anh Đặng T.K có cung cấp bản chính Giấy chứng nhận kết hôn do xã C, huyện M, tỉnh Khánh Hòa cấp vào ngày 12/09/2019, nên hôn nhân giữa anh K và chị N là hợp pháp.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng, anh K và chị N sống hạnh phúc và có được 01 con chung tên Đặng B, sinh ngày 29-3-2019 ; đến năm 2020 thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh K trình bày, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Chị N thì muốn sống ở thành phố, còn anh thì muốn sống ở quê để chăm sóc cha mẹ, do đó hai bên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Đối với chị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh K không quan tâm chăm sóc vợ con, anh đã bỏ chị và con đi làm xa.

Xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Từ lời khai của anh K và chị N xác định thực tế đã phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng trong lối sống. Hai anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, không ai quan tâm chăm sóc ai. Tòa án đã mời hòa giải hai lần nhưng anh K đều vắng mặt và không muốn đoàn tụ. Do mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống không hạnh phúc và không còn tình cảm với chị N nên anh K kiên quyết ly hôn. Từ những nhận định trên chứng tỏ hôn nhân giữa anh K và chị N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời anh K xin ly hôn thì chị N cũng đồng ý. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Đặng T.K là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[3] Về con chung:*

Anh K và chị N có một người con chung tên Đặng B, sinh ngày 29-3-2019 . Anh K và chị N đều có yêu cầu nuôi con. Xét:

Về môi trường sống: từ khi sinh ra đến nay cháu B sống cùng với mẹ là chị N. Nơi sinh sống thường xuyên là nhà chị N ở ấp T, xã S, Tiểu Cần, Trà Vinh. Còn anh K đã để cháu B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc để đi Thành phố Hồ Chí Minh làm từ năm 2018 đến nay. Mặc dù anh có cung cấp sao kê từ Ngân hàng và tường trình thể hiện anh có chuyển khoản tiền cho chị N nuôi con. Tuy nhiên khoản 2 Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ và quyền

của cha mẹ đối với con “2. Trồng nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”. Do đó việc chuyển tiền về cho chị N nuôi con là nghĩa vụ của anh K, không thể hiện rằng anh có chăm sóc, giáo dục con như anh trình bày trong tường trình. Bởi lẽ chăm sóc giáo dục bao gồm cả việc ở bên cạnh quan tâm, chăm lo vật chất và tinh thần cho con những lúc con ốm đau, bệnh tật hay khỏe mạnh.

Về điều kiện kinh tế: Anh K nộp cho Tòa án hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn C với mức lương trên 20.000.000 đồng/tháng nhưng từ trước đến nay anh không phải là người trực tiếp nuôi con. Đồng thời theo biên bản xác minh tại địa phương (bút lục số 48-50) chị N cũng đi làm công nhân vẫn có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế không khó khăn nên vẫn đảm bảo nuôi con. Anh K dù thu nhập cao nhưng điều kiện đi làm xa nhà, sinh sống một mình nếu giao cháu B cho anh trực tiếp nuôi dưỡng rất khó để anh vừa đi làm vừa trực tiếp nuôi con. Nếu điều kiện kinh tế anh đảm bảo hơn, anh muốn có tương lai tốt đẹp cho cháu B thì dù không trực tiếp nuôi dưỡng anh vẫn tạo điều kiện tốt đẹp cho tương lai của con được.

Về tư cách đạo đức: anh K cho rằng chị N có lối sống không lành mạnh, thường xuyên bài bạc, không chịu làm ăn và chăm sóc con, không thể nuôi dạy con. Tuy nhiên anh K không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh. Những hình ảnh trên tin nhắn điện thoại do anh cung cấp, không cho thấy chị N đang tham gia đánh bạc nên không có giá trị chứng minh, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời theo biên bản xác minh tại địa phương (bút lục số 48-50) thể hiện chị N và gia đình chị từ trước đến nay không vi phạm pháp luật hay bị địa phương xử lý vấn đề gì (kể cả hành vi đánh bạc).

Về tâm sinh lý của trẻ: Anh K cho rằng anh rất quan tâm đến cuộc sống, sức khỏe, vui chơi của cháu B. Tuy nhiên thực tế thì hàng ngày anh đi làm xa nhà kiếm tiền, việc quan tâm của anh là chỉ vào thời gian rảnh anh nhắn tin hỏi han chứ anh chưa từng trực tiếp chăm sóc lúc cháu ốm đau, chưa từng chăm cháu miếng ăn, giấc ngủ. Anh chỉ từ những hình ảnh do chị N cung cấp, hoặc qua cuộc gọi hình ảnh để đưa ra những suy luận của mình không có căn cứ xác đáng, rõ ràng. Cháu Đặng B sinh ngày 29-3-2019 đến nay mới hơn 3 tuổi, cháu còn rất nhỏ và trước giờ vẫn sống chung với mẹ, chị N và gia đình chị là người trực tiếp chăm sóc cháu từ sinh ra cho đến nay. Do đó việc tách cháu rời mẹ để giao cho anh K nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu.

Để đảm bảo cho cháu B phát triển đầy đủ về mọi mặt, cũng như không làm thay đổi môi trường sống, không làm ảnh hưởng tâm lý của cháu, từ những nhận định trên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu B cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của anh K về việc trực tiếp nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, do đó yêu cầu cấp dưỡng của chị N là phù hợp quy định của

pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về mức cấp dưỡng căn cứ khoản 1 điều 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”. Anh K và chị N không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng, chị N yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy việc nuôi một cháu bé chưa đủ 4 tuổi cần rất nhiều chi phí, đồng thời anh K có thu nhập trung bình tháng trên 15.000.000 đồng như anh cung cấp chứng cứ. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng như chị N yêu cầu là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh K cũng như nhu cầu thiết yếu cho cháu B nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh K và chị N thống nhất khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị N không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Điều 83 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng T.K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn anh Đặng T.K được ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị C.N.

2. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con của anh Đặng T.K. Chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị Nguyễn Thị C.N, giao cháu Đặng B, sinh ngày 29-3-2019 cho chị Nguyễn Thị C.N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của*

*người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

**3. Về cấp dưỡng nuôi con:** Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C.N, buộc anh Đặng T.K cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đặng B, sinh ngày 29-3-2019 mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

**4. Về tài sản chung và nợ chung:** Anh Đặng T.K và chị Nguyễn Thị C.N thống nhất khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

**5. Về án phí:** Anh Đặng T.K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Án phí hôn nhân và gia đình) và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009063, ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; anh Đặng T.K phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

**6. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã C, M, Khánh Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Ngọc Quyền**